



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ Y TẾ

Ngành: KINH TẾ

Mã ngành: 7310103

Thái Nguyên, 2020

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số: 577/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kinh tế y tế

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế

Mã ngành: 7310103

Hình thức đào tạo: Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT:

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Tên khoa thực hiện CTĐT: Khoa Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- **Thang điểm:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

- **Quy trình đào tạo:** Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

- **Điều kiện tốt nghiệp:**

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo:

4. Mục tiêu đào tạo

Mục đích: Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế y tế để đáp ứng nhu cầu nhân lực chuyên môn về quản lý ở các tổ chức, cơ sở y tế; các cơ sở giáo dục đại học; các cơ sở nghiên cứu và tự khởi nghiệp.

Mục tiêu đào tạo:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức: Có nền tảng kiến thức lý thuyết, thực tiễn về ngành kinh tế và nghiệp vụ chuyên sâu về Kinh tế y tế.

2. Kỹ năng: Có các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng môi trường làm việc luôn có sự thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân để hoàn thành các công việc.

Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức	
1.1	Vận dụng khối kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế.	3
1.2	Ứng dụng được các kiến thức về đầu tư kinh doanh, marketing, kế toán để lập kế hoạch, tổ chức, quản lý sản xuất và khởi nghiệp.	3
1.3	Có kiến thức về công nghệ thông tin đạt chuẩn đầu ra về tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu tài liệu cũng như trong công việc.	3
1.4	Có các kiến thức y tế cộng đồng để thực hiện các can thiệp y tế cộng đồng, các kiến thức về đánh giá kinh tế y tế và y học lâm sàng để đo lường gánh nặng của bệnh tật.	3
1.5	Vận dụng các kiến thức nền tảng về Kinh tế y tế để trợ giúp việc ra quyết định quản lý và hoạt động tác nghiệp trong phạm vi tổ chức, chương trình, dự án về Kinh tế y tế.	3
1.6	Vận dụng sáng tạo các kiến thức chuyên sâu về chính sách y tế và pháp luật y tế, bảo hiểm, tài chính y tế, để giải quyết các vấn đề có tính chuyên môn trong thực tiễn công việc, đề xuất và thực hiện đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực y tế.	3
2.	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin để phát hiện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nói chung và chuyên ngành kinh tế y tế nói riêng trong môi trường làm việc thay đổi.	3
2.2	Có khả năng tìm và cập nhật các kiến thức mới; tận dụng những kiến thức, kỹ năng của cá nhân để lập nghiệp cho bản thân và dẫn dắt người khác.	3
2.3	Có kỹ năng giao tiếp, và soạn thảo được các loại văn bản thông thường	2
2.4	Có kỹ năng ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.	4
2.5	Có kỹ năng tạo động lực làm việc và làm việc nhóm	2
2.6	Có kỹ năng nhận xét, phản biện, phê phán và đề xuất những giải pháp thích ứng với những bối cảnh biến đổi trong lĩnh vực Kinh tế y tế để thành công trong công việc.	3
3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm và có tinh thần dám làm dám chịu về các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Kinh tế y tế trong điều kiện làm việc thay đổi; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3

3.2	Có khả năng tự định hướng; hướng dẫn, giám sát người khác; đưa ra được quan điểm, kết luận và có thể bảo vệ những quan điểm, kết luận đó về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường thuộc lĩnh vực Kinh tế y tế	2
3.3	Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực trong lĩnh vực kinh tế y tế	3

- Các ma trận thể hiện sự đáp ứng của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)

- Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CĐR được rà soát và điều chỉnh (Không có)

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ:

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Các kiến thức	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30
2.2	Kiến thức ngành	24
2.3	Kiến thức chuyên ngành	27
2.4	Thực tập nghề nghiệp/môn học	2
2.5	Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng toàn khóa	125

- Ma trận thể hiện sự đáp ứng CDR của các học phần trong CTĐT Cử nhân Kinh tế y tế

TT	Mã số HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
			1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3
1	MPL 121	Triết học Mác-Lênin	x								x			x			
2	MLP 132	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x								x		x			
3	VCP131	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x									x	x			
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x						x						x		
5	VCP 121	Lịch sử Đảng CSVN	x								x			x			
6	LAW121	Pháp luật đại cương	x										x				x
7	GIF131	Tin học đại cương			x							x		x			
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán				x				x				x			
9	MAE131	Toán kinh tế				x				x							x
10	ENG121	Tiếng Anh 1						x									
11	ENG122	Tiếng Anh 2						x									
12	ENG123	Tiếng Anh 3						x									
13	ENG124	Tiếng Anh 4						x									
14	ENG125	Tiếng Anh 5						x									
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18		Giáo dục quốc phòng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	MIE231	Kinh tế học vi mô 1	x	x							x						x
20	MAN231	Quản trị học				x								x			
21	MAE231	Kinh tế học vĩ mô 1	x	x							x						x
22	GEM231	Marketing căn bản				x			x			x			x		
23	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1				x						x		x			
24	PSE231	Nguyên lý thống kê	x	x						x						x	
25	ACT231	Nguyên lý kế toán				x			x								x

TT	Mã số HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
			1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3
26	EIA231	Phân tích Thông tin Kinh tế	x							x				x			
27	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x							x			x			
28	VEG231	Địa lý kinh tế Việt Nam		x							x			x			
29	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x							x				x			
30	ECO231	Kinh tế lượng				x				x							x
31	ECS231	Thống kê kinh tế	x							x				x			
32	PEC331	Kinh tế công cộng		x							x					x	
33	ENE331	Kinh tế môi trường		x							x						x
34	INE331	Kinh tế bảo hiểm		x									x			x	
35	PAP331	Lập và phân tích dự án đầu tư				x							x				x
36	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng		x									x		x		
37	DEC331	Kinh tế phát triển		x									x	x			
38	SEF331	Dự báo phát triển kinh tế xã hội		x									x	x			
39	MAE331	Kinh tế học quản lý	x	x									x				x
40	MIE332	Kinh tế học vi mô 2	x	x									x				x
41	MAE332	Kinh tế học vĩ mô 2	x	x									x				x
42	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ				x			x			x			x		
43	MAS331	Thương mại điện tử				x			x			x			x		
44	HEC331	Kinh tế y tế				x	x	x	x					x	x		x
45	BAE331	Dịch tễ học cơ bản				x	x	x	x						x		
46	HEO331	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp		x			x	x		x	x	x			x		
47	SIN331	Bảo hiểm xã hội				x	x	x				x		x	x		
48	MHP331	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	x		x		x	x		x	x				x		
49	HIN 331	Bảo hiểm y tế				x	x	x				x		x	x		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
			1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3
50	BCA331	Phân tích lợi ích-chi phí				x	x	x				x		x	x		
51	HOM331	Quản lý bệnh viện				x	x	x				x		x	x		
52	EHR331	Kinh tế nguồn nhân lực				x	x	x				x		x	x		
53	HPM331	Quản lý dự án y tế				x	x	x			x	x		x	x	x	x
54	STH331	Thống kê y tế					x	x		x	x		x		x		
55	DPA331	Phân tích chính sách phát triển				x	x	x				x		x	x		
56	SOP331	Chương trình và dự án phát triển KTXH				x	x	x				x		x	x		
57	QRH331	Nghiên cứu định tính trong y tế				x	x	x	x	x				x	x		
58	ERF331	Nghiên cứu và dự báo kinh tế				x	x	x	x	x				x	x		
59	HFM331	Quản lý tài chính y tế	x				x	x		x	x				x		
60	IAU331	Kế toán bảo hiểm	x				x	x		x	x				x		
63	ECO421	Thực tập môn học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
64	ECO401	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
65	ECO904	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Không có)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MLP132	Triết học Mác-Lênin	3	-
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	MLP132
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	MLP132; MLE121
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP132; MLE121; SSO121
5	VCP121	Lịch sử Đảng CSVN	2	MLP132; MLE121; SSO121; HCM121;
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	-
7	GIF131	Tin học đại cương	3	-
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	-
9	MAE131	Toán kinh tế	3	PST131
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	-
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121; ENG122
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG123
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG124
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	-
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011; PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		Bắt buộc		

19	MIE231.	Kinh tế học vi mô 1	3	-
20	MAN231	Quản trị học	3	-
21	MAE231.	Kinh tế học vĩ mô 1	3	-
22	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231
23	FAM231.	Tài chính - tiền tệ	3	MIE231, MPL 121
24	PRS231	Nguyên lý thống kê	3	PST131, MAE131
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	-
26	EIA231	Phân tích thông tin kinh tế	3	PST131
	Tự chọn			
		<i>Tổ hợp 1</i>	3	
27	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	-
28	VEG231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	-
		<i>Tổ hợp 2</i>	3	
29	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	PSE231
30	ECO231	Kinh tế lượng	3	-
31	ECS231	Thống kê kinh tế	3	MIE231, MAE231, PSE231

7.2.2. Kiến thức ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	Bắt buộc			
32	PEC331	Kinh tế công cộng	3	-
33	ENE331	Kinh tế môi trường	3	MIE231
34	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	-
35	PAP331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	MIE231, MAE231
36	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	-
	Tự chọn			
		Tổ hợp 1		
		<i>Tổ hợp 1</i>	3	
37	DEC331	Kinh tế phát triển	3	-

38	SEF331	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	3	MIE231, MAE231, DEC331, MAE131
		<i>Tổ hợp 2</i>	3	
39	MAE331	Kinh tế học quản lý	3	MIE231
40	MIE332.	Kinh tế học vi mô 2	3	IE231
41	MAE332.	Kinh tế học vĩ mô 2	3	MIE231; MAE231
		<i>Tổ hợp 3</i>	3	
42	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	-
43	MAS331	Thương mại điện tử	3	MIE231; MAE231; GEM231

7.2.3. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		Bắt buộc		
37	HEC331	Kinh tế y tế	3	-
38	BAE331	Dịch tễ học cơ bản	3	-
39	HEO331	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp	3	-
40	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	-
41	MHP331	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	3	-
		Tự chọn		
		Tổ hợp 1		
42	HIN 331	Bảo hiểm y tế	3	-
	BCA331	Phân tích lợi ích-chi phí	3	-
		<i>Tổ hợp 2</i>		
43	HOM331	Quản lý bệnh viện	3	-
	EHR331	Kinh tế nguồn nhân lực	3	MIE231. MAE231
		<i>Tổ hợp 3</i>		
44	HPM331	Quản lý dự án y tế	3	.-
	STH331	Thống kê y tế	3	PRS231
		<i>Tổ hợp 4</i>		
45	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	-
	SOP331	Chương trình và dự án phát triển KTXH	3	DEC331

	ECO421	Thực tập môn học ngành Kinh tế	2	HEC331; SIN331; HEO331
--	---------------	---------------------------------------	----------	------------------------------

7.2.4. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	ECO401	Thực tập tốt nghiệp ngành Kinh tế	4	-
	ECO904	KLTN/Các HP tự chọn thay thế KLTN	6	
		<i>Tổ hợp 1</i>		
46	QRH331	Nghiên cứu định tính trong y tế	3	-
	ERF331	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	3	PRS231; ECO231
		<i>Tổ hợp 2</i>		
47	HFM331	Quản lý tài chính y tế	3	-
	IAU331	Kế toán bảo hiểm	3	ACT231

8. Kế hoạch Đào tạo (phụ lục)

9. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. <Triết học Mác-Lênin> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành (thảo luận): 18

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học Triết học Mác – Lênin, từ đó giúp sinh viên có khả năng nắm vững những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin: vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp người học có khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

2. <Kinh tế chính trị Mác - Lênin> <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác – Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (KTTT); Sản xuất giá trị thặng dư ; Cạnh tranh và độc quyền trong KTTT; KTTT định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm

nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường.

3. <Chủ nghĩa xã hội khoa học><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng sản.

4. < Tư tưởng Hồ Chí Minh><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành (thảo luận): 12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó giúp sinh viên chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. <Lịch sử Đảng CSVN><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. <Pháp luật đại cương>

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

7. <Tin học đại cương><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 30 số tiết thực hành: 30

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần **Tin học đại cương** trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

8. <Lý thuyết xác suất và thống kê toán><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần trước: Toán kinh tế

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần lý thuyết xác suất và thống kê toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa cơ bản về xác suất được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu các khái niệm và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

9. <Toán kinh tế><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

10. <Tiếng Anh 1><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 1 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

11. <Tiếng Anh 2><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ

trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

12. <Tiếng Anh 3><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

13. <Tiếng Anh 4><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

14. <Tiếng Anh 5><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi

bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

15. <Giáo dục thể chất 1><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04 , số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

16. <Giáo dục thể chất 2><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04, số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: môn GDTC 1

Học phần tiên quyết: môn GDTC 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

17. <Giáo dục thể chất 3><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04, số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: môn GDTC 1 và GDTC 2

Học phần tiên quyết: môn GDTC 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

18. <Giáo dục quốc phòng>

19. < Kinh tế học vi mô 1> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần

bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20. < Quản trị học > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị

21. < Kinh tế học vĩ mô 1 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 1 là học phần cơ sở của khối ngành kinh tế. Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ... nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

22. < Marketing căn bản > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần tiên quyết: Kinh tế học vi mô 1,

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm,

định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

23 < Tài chính - tiền tệ 1 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần tiên quyết: Triết học Mác Lênin

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

24. < Nguyên lý thống kê > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê.

25. < Nguyên lý kế toán > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Luật và chuẩn mực kế toán

Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những

quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

26. < Phân tích Thông tin kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào cung cấp các kiến thức về các loại số liệu thống kê phục vụ cho các nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế xã hội nhằm giúp người học hiểu các vấn đề về nguồn và việc quản lý thông tin phục vụ nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Đây là học phần tiền đề giúp cho người học có thể tiếp cận với các nghiên cứu và đề tài cuối khoá của mình trong chương trình học.

27. < Lịch sử các học thuyết kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; Giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, quá trình phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau giữa các học thuyết kinh tế, và nhất là ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

28. < Địa lý Kinh tế Việt Nam > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung; vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế; sự phân bố cụ thể của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam; giới thiệu cụ thể về 8 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm các nội dung về: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, khung lãnh thổ, những thuận lợi - khó khăn và định hướng phát triển của vùng.

29. < Phương pháp NCKH > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó xác định được các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập.

30. < Kinh tế lượng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro... với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

31. < Thống kê Kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Nguyên lý thống kê.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thống kê Kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành chính, gồm 9 chương với các nội dung về thống kê dân số, thống kê của cải quốc dân, thống kê kết quả và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân, thống kê ngân sách, thống kê tiền tệ - tín dụng; thống kê mức sống dân cư và thống kê so sánh quốc tế. Học phần là nền tảng cho nghiên cứu các học phần chuyên ngành chuyên sâu thuộc khối ngành kinh tế và là kiến thức nền tảng cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.

32. < Kinh tế công cộng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế công cộng nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng

nghiên cứu của học phần kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

33. < Kinh tế môi trường > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về môi trường, phát triển bền vững, kinh tế tài nguyên thiên nhiên và kinh tế ô nhiễm môi trường. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường (ô nhiễm, suy thoái môi trường...) và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường (tiêu chuẩn môi trường, thuế, phí phát thải...). Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường, là cơ sở xây dựng chính sách quản lý tài nguyên, môi trường hiệu quả.

34. < Kinh tế bảo hiểm > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế bảo hiểm nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp.

35. < Lập và phân tích dự án đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Lập và phân tích dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề phương pháp luận về lập dự án đầu tư phát triển. Học phần có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích dự án, bao gồm các nội dung: Một số vấn đề lý luận chung đầu tư, dự án đầu tư; Trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác soạn thảo dự án đầu tư; Nội dung chủ yếu phân tích các khía cạnh tài chính, kỹ thuật và nguồn nhân lực của dự án đầu tư. Qua học phần giúp cho người học có thể soạn thảo dự án đầu

tư, phân tích tính khả thi dự án, hoàn thành khả năng tư duy và xử lý các tình huống trong lập dự án đầu tư.

36. < Kinh tế và chính sách phát triển vùng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh tế và chính sách phát triển vùng; Phát triển các vùng kinh tế cần dựa trên cơ sở khai thác thế mạnh tiềm năng mỗi vùng, liên kết giữa các vùng nhằm thu hút đầu tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đều có, làm cho các vùng đều có chuyển biến tiến bộ, cơ cấu kinh tế hợp lý tạo nên sự phát triển kinh tế xã - hội mạnh mẽ của cả nước.

37. < Kinh tế phát triển > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế phát triển nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển.

38. < Dự báo phát triển kinh tế - xã hội > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Toán kinh tế.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Dự báo phát triển kinh tế - xã hội là một môn khoa học xã hội cung cấp các phương pháp dự báo, tiên đoán có tính khoa học, mang tính chất xác suất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong tương lai nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý của người học, các nhà kinh tế, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý.

39. < Kinh tế học quản lý > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản cho các nhà quản lý của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể hiểu và phân tích được những nội dung cơ bản về Lý thuyết cầu; Quyết định sản xuất, chính sách giá và các hình thức cạnh tranh phi giá của doanh nghiệp trong các loại hình thị trường khác nhau; Lý thuyết cơ bản về công ty đa quốc gia.

40. < Kinh tế học vi mô 2 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Phân tích hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường. Phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, học phần còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro.

41. < Kinh tế học vĩ mô 2 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 2 nghiên cứu những kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô về ứng xử tổng thể của nền kinh tế theo các biến số quan trọng như: tiêu dùng, đầu tư, lãi suất, thu nhập... Đặc biệt là vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế mở. Đồng thời, học phần này cũng đề cập đến những vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và các mô hình mô tả nền kinh tế trong dài hạn, từ sản xuất, phân phối đến phân bổ thu nhập quốc dân.

42. < Kinh tế thương mại và dịch vụ > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Toán kinh tế.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung: khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung. Tìm hiểu các chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý như thế nào để quản lý ngành thương mại có hiệu quả của nhà nước. Phần cuối học phần đã đề cập đến những phương thức đánh giá hiệu quả kinh doanh, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng.

43. < Thương mại điện tử > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các bộ ngành trung ương cũng xúc tiến hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tạo nên sự phát triển bền vững cho thương mại điện tử tại Việt Nam. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

44. < Kinh tế y tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên kinh tế những kiến thức cơ bản về lý thuyết Kinh tế y tế, cầu về dịch vụ chăm sóc sức khỏe, các hình thức cung ứng trong thị trường chăm sóc sức khỏe, quá trình sản xuất và chăm sóc sức khỏe, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, hành vi lựa chọn dịch vụ chăm sóc sức khỏe, ngân sách y tế và tài khoản y tế quốc gia; phí khám chữa bệnh và các phương thức chi trả, đánh giá kinh tế y tế và đo lường gánh nặng bệnh tật.

45. < Dịch tễ học cơ bản > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên kinh tế những kiến thức cơ bản về đối tượng, phạm vi nghiên cứu của dịch tễ học; dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm; các nguyên nhân gây bệnh; các số đo dịch tễ học như số đo mắc bệnh, số đo tử vong; các qui trình của phòng chống dịch từ đó giúp khái quát hóa quản lý, phòng chống bệnh dịch tại cộng đồng. Môn học giúp sinh viên nhận biết được tầm quan trọng về tổng quan vai trò của dịch tễ học trong quản lý và kiểm soát bệnh dịch.

46. < Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung chủ yếu nghiên cứu hai phần chính là sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp. Trong phần 1 tập trung nghiên cứu các nội dung sau: Tổng quan về sức khỏe môi trường; Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật; Tác động của các nguồn ô nhiễm tới sức khỏe môi trường; Quản lý sức khỏe môi trường và phát triển bền vững. Phần 2 “Sức khỏe nghề nghiệp” nghiên cứu các nội dung: Đại cương về vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp; Bệnh nghề nghiệp; Sinh lý lao động và an toàn trong lao động.

47. < Bảo hiểm xã hội > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần được thiết kế gồm các chương giới thiệu những nội dung cơ bản về bảo hiểm xã hội (BHXH), bao gồm: khái niệm, đặc điểm và mục tiêu của BHXH; hệ thống tổ chức BHXH; các chế độ BHXH; phí BHXH và việc hoạch định chính sách cũng như tổ chức thực thi chính sách BHXH; tài chính bảo hiểm xã hội; một số vấn đề chung về bảo hiểm hưu trí, tử tuất, phương pháp luận xác định tuổi hưu trí và thời gian đóng bảo hiểm xã hội.

48. < Tổ chức quản lý và chính sách y tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung nghiên cứu về các lý luận hệ thống y tế, quản lý các nguồn lực và các hoạt động y tế, chính sách y tế từ đó vận dụng lý luận vào thực tiễn về hệ thống y tế Việt Nam, quản lý các nguồn lực y tế và các hoạt động y tế tại các tuyến, xây dựng và thực hiện các chính sách y tế có hiệu quả. Học phần gồm những nội dung sau: Tổng quan về tổ chức và quản lý y tế; Tổ chức và quản lý hệ thống y tế Việt Nam; Quản lý các nguồn lực y tế; Tổ chức và Quản lý hệ thống khám chữa bệnh; Đại cương về chính sách y tế; Quá trình xây dựng chính sách y tế; Một số chính sách lớn về y tế của Việt Nam hiện nay.

49. < Bảo hiểm y tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về bảo hiểm y tế; Sơ lược hình thành, phát triển bảo hiểm y tế và kinh nghiệm thực hiện bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới; tài chính bảo hiểm y tế; tổ chức quản lý bảo

hiểm y tế; Chính sách bảo hiểm y tế ở Việt Nam; Thanh toán bảo hiểm y tế và giao dịch trong thị trường bảo hiểm; Bảo hiểm y tế toàn dân.

50. < Phân tích lợi ích-chi phí > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích lợi ích chi phí, các quan điểm trong phân tích lợi ích chi phí, quy trình phân tích; Cơ sở để nhận dạng, phân tích lợi ích và chi phí; Cách lượng hóa lợi ích chi phí trong các trường hợp có hoặc không có giá thị trường, xuất hiện hàng hóa ngoại thương, trong thị trường bị biến dạng, hay với các loại hàng hóa khác nhau...

51. < Quản lý bệnh viện > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung nghiên cứu về các nội dung: khái niệm về quản lý và quản lý bệnh viện, quản lý công tác chuyên môn trong bệnh viện, quản lý bệnh viện trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, quản lý tài chính trong bệnh viện ở Việt Nam, quản lý nguồn nhân lực, quản lý công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện, tổ chức và quản lý khoa khám bệnh, quản lý cơ sở hạ tầng và trang thiết bị trong bệnh viện đa khoa.

52. < Kinh tế nguồn nhân lực > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1

Học phần tiên quyết: Kinh tế học vi mô 1

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản và toàn diện bao gồm: Mối quan hệ giữa dân số và nguồn nhân lực; khái niệm và đặc điểm của thị trường lao động; các yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu lao động; sự cân bằng của thị trường lao động; thị trường lao động Việt Nam; vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; các phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; khái niệm năng suất lao động và tăng năng suất lao động; các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến năng suất lao động; các biện pháp để tăng năng suất lao động; những nguyên tắc cơ bản của tổ chức tiền lương; các hình thức trả lương.

53. < Quản lý dự án y tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản lý dự án y tế nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quản lý dự án y tế. Nhiệm vụ chính của học phần là luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án y tế, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án y tế. Đồng thời, học phần cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án y tế.

54. < Thống kê y tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hệ thống tổ chức y tế Việt Nam và hệ thống các chỉ tiêu thống kê y tế của Việt Nam. Nội dung môn học phản ánh chi tiết các hoạt động kinh tế y tế cũng như tác động qua lại giữa chúng. Không dừng lại ở đây, thống kê y tế còn cung cấp phương pháp xây dựng và phân tích các báo cáo thống kê y tế thông qua hệ thống các báo cáo thống kê bệnh viện, phục vụ cho việc lập kế hoạch phát triển kinh tế y tế.

55. < Phân tích chính sách phát triển > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phân tích chính sách phát triển cung cấp cho người học các lý thuyết tổng quan về phân tích chính sách, các phương pháp và quy trình thực hiện trong phân tích chính sách. Nội dung của học phần được sắp xếp theo trình tự các công đoạn trong quy trình phân tích chính sách, trong đó có làm rõ chức năng, vai trò và sự cần thiết phân tích ở mỗi công đoạn của quá trình chính sách; các cách tiếp cận, các mô hình và các phương pháp phân tích thích hợp.

56. < Chương trình và dự án phát triển KTXH > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: Kinh tế Phát triển

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ đề cập đến những kiến thức về xây dựng, thẩm định và quản lý các chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội tạo cơ sở cho sinh viên có được khả năng, kỹ năng về xây dựng và đặc biệt là triển khai thực hiện các kế

hoạch định hướng vĩ mô, các nội dung và các phương pháp tiến hành xây dựng, thẩm định, quản lý các chương trình phát triển kinh tế xã hội.

57. < Nghiên cứu định tính trong y tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên kinh tế những kiến thức cơ bản về về phương pháp nghiên cứu định tính trong y tế; phân biệt nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, quy trình thiết kế một nghiên cứu định tính phù hợp với một vấn đề sức khỏe cụ thể; đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng về một vấn đề sức khỏe, áp dụng các phương pháp thu thập số liệu định tính bao gồm phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trọng tâm và quan sát.

58. < Nghiên cứu và dự báo kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của môn học Nghiên cứu và dự báo kinh tế được chia thành 5 chương. Mỗi chương xây dựng các phương pháp dự báo cụ thể đối với từng bộ số liệu xác định, bao gồm: dự báo bằng phương pháp ngoại suy xu thế, phương pháp san mũ, phương pháp thời vụ, phương pháp ARIMA và dự báo dựa trên mô hình tăng trưởng và bão hòa. Môn học đã đưa ra những phương pháp dự báo tiên tiến đang được ứng dụng ở trong và ngoài nước. Các phương pháp dự báo này được áp dụng rộng rãi trong việc dự báo các chỉ tiêu định lượng và định tính về các vấn đề kinh tế - xã hội.

59. < Quản lý tài chính y tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về tài chính y tế, các nguồn lực tài chính dùng cho hoạt động cung cấp dịch vụ y tế, quản lý tài chính viện trợ; Thuế, phí và lệ phí, một số sắc thuế cơ bản ở nước ta; Quản lý tài sản nhà nước khu vực hành chính sự nghiệp; Các công cụ quản lý tài chính y tế: kế hoạch tiền mặt, bảng cân đối thu – chi, bảng cân đối tài khoản, kiểm toán nội bộ, phân tích chi phí hiệu quả tài chính, phân tích và kiểm soát tài chính; Lập kế hoạch tài chính y tế, viết kế hoạch y tế địa phương; Theo dõi và giám sát hoạt động tài chính y tế và Đánh giá hoạt động quản lý tài chính y tế.

60. < Kế toán bảo hiểm > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ về công tác kế toán trong các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. Với các hoạt động kinh doanh đặc thù như: bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, nhận tái, nhượng tái bảo hiểm về các vấn đề thuộc nguyên tắc, phương pháp kế toán cũng như các báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

- Trung tâm ngoại ngữ tin học, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên

10.2. Thư viện, trang Web

- Trung tâm thông tin thư viện, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên (<http://elib.tueba.edu.vn/>)

- Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên (<http://lrc.tnu.edu.vn/>)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục A

1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế y tế so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT Kinh tế y tế
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1.4; 1.5
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.3
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.2
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.4; 1.5; 1.6
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.1
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.2
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.6
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.5; 2.6
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.3
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.4
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.1
Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	3.2
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3.2
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.3

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng

Mức 2: Đáp ứng một phần

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu

Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn nghề nghiệp (nếu có)	Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
1.1	...	3	3
1.2	...	3	3
1.3	...	3	3
1.4		3	3
1.5		3	3
1.6		3	3
2.1		3	3
2.2		3	2
2.3		2	2
2.4		4	1
2.5		2	3
2.6		3	3
3.1		3	3
3.2		2	2
3.3		3	3

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT Kinh tế Y tế

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
KHOA: KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CĐR của CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan trong đó gồm ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu sinh viên..., từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các CĐR của CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

- Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với các ý kiến đóng góp của Nhà sử dụng LĐ và Cựu người học.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

CĐR CTĐT Kinh tế đầu tư - TUEBA	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.1	X – 80%	X – 80%	
1.2	X – 80%	X – 90%	
1.3	X – 90%	X – 90%	
1.4	X – 80%	X – 90%	
1.5	X – 90%	X – 90%	
1.6	X – 90%	X – 90%	
2.1	X – 80%	X – 80%	
2.2	X – 80%	X – 80%	
2.3	X – 80%	X – 80%	
2.4	X – 80%	X – 90%	
2.5	X – 80%	X – 80%	
2.6	X – 90%	X – 90%	
3.1	X – 80%	X – 80%	
3.2	X – 90%	X – 90%	
3.3	X – 80%	X – 80%	

3. Đánh giá chung

Về cơ bản CĐR CTĐT Kinh tế y tế được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỞNG KHOA

TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Nội dung báo cáo đối sánh chương trình đào tạo Kinh tế Y tế

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần

DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG CÁC HỌC PHẦN

Chương trình đào tạo: Kinh tế Y tế

STT	Tên học phần	STT	Tên học phần
1	Địa lý Kinh tế Việt Nam	12	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp
2	Kinh tế công cộng	13	Bảo hiểm xã hội
3	Kinh tế môi trường	14	Tổ chức quản lý và chính sách y tế
4	Kinh tế bảo hiểm	15	Bảo hiểm y tế
5	Lập và phân tích dự án đầu tư	16	Phân tích lợi ích-chi phí
6	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	17	Quản lý bệnh viện
7	Kinh tế phát triển	18	Quản lý dự án y tế
8	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	19	Phân tích chính sách phát triển
9	Kinh tế thương mại và dịch vụ	20	Chương trình và dự án phát triển KTXH
10	Kinh tế y tế	21	Nghiên cứu định tính trong y tế
11	Dịch tễ học cơ bản	22	Quản lý tài chính y tế

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KT& QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**Ngành: Kinh tế****CTĐT: Kinh tế y tế****Mã ngành: 7310103****Thời gian đào tạo: 04 năm**

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. Khối Kiến thức đại cương			32										
1	MLP132	Triết học Mác-Lênin	3	36	18	3							
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2						
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12				2				
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12					2			
5	VCP121	Lịch sử Đảng CSVN	2	24	12						2		
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
7	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18		3						
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18	3							
9	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18		3						
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
2. Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93										
2,1	Kiến thức cơ sở ngành		30										

	<i>Bắt buộc</i>		24										
19	MIE231.	Kinh tế học vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAN231	Quản trị học	3	36	18	3							
21	MAE231.	Kinh tế học vĩ mô 1	3	36	18		3						
22	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18		3						
23	FAM231.	Tài chính - tiền tệ	3	36	18			3					
24	PRS231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					
26	EIA231	Phân tích thông tin kinh tế	3	36	18				3				
	<i>Tự chọn</i>		6										
27		<i>Tổ hợp 1</i>	3										
	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	18			3					
	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	36	18								
28		<i>Tổ hợp 2</i>	3						3				
	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	18								
	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18								
	ECS231	Thống kê kinh tế	3	36	18								
2,2	<i>Kiến thức ngành</i>		24										
	<i>Bắt buộc</i>		15										
29	PEC331	Kinh tế công cộng	3	36	18			3					
30	ENE331	Kinh tế môi trường	3	36	18				3				
31	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	36	18					3			
32	PAP331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	36	18					3			
33	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	36	18						3		
	<i>Tự chọn</i>		9										
34		<i>Tổ hợp 1</i>							3				
	DEC331	Kinh tế phát triển	3	36	18								
	SEF331	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	3	36	18								
35		<i>Tổ hợp 2</i>								3			
	MAE331	Kinh tế học quản lý	3	36	18								

	MIE332	Kinh tế học vi mô 2										
	MAE332	Kinh tế học vĩ mô 2	3	36	18							
		<i>Tổ hợp 3</i>										
36	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	36	18						3	
	MAS331	Thương mại điện tử	3	36	18							
2,3	Kiến thức chuyên ngành		27									
	<i>Bắt buộc</i>		15									
37	HEC331	Kinh tế y tế	3	36	18					3		
38	BAE331	Dịch tế học cơ bản	3	36	18						3	
39	HEO331	Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp	3	36	18						3	
40	SIN331	Bảo hiểm xã hội	3	36	18							3
41	MHP331	Tổ chức quản lý và chính sách y tế	3	36	18							3
	<i>Tự chọn</i>		12									
		<i>Tổ hợp 1</i>										
42	HIN 331	Bảo hiểm y tế	3	36	18							3
	BCA331	Phân tích lợi ích-chi phí	3	36	18							
		<i>Tổ hợp 2</i>										
43	HOM331	Quản lý bệnh viện	3	36	18							3
	EHR331	Kinh tế nguồn nhân lực	3	36	18							
		<i>Tổ hợp 3</i>										
44	HPM331	Quản lý dự án y tế	3	36	18							3
	STH331	Thống kê y tế	3	36	18							
		<i>Tổ hợp 4</i>										
45	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	36	18							3
	SOP331	Chương trình và dự án phát triển KTXH	3	36	18							
2,4	ECO421	Thực tập môn học ngành Kinh tế	2	0	36						2	
2,5	ECO401	Thực tập tốt nghiệp ngành Kinh tế	4	0	72							4
2,6	ECO904	KLTN/Các HP tự chọn thay thế KLTN	6									6

46		<i>Tổ hợp 1</i>											
	QRH331	Nghiên cứu định tính trong y tế	3	36	18								x
	ERF331	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	3	36	18								
47		<i>Tổ hợp 2</i>											x
	HFM331	Quản lý tài chính y tế	3	36	18								
	IAU331	Kế toán bảo hiểm	3	36	18								
Tổng số tín chỉ toàn khóa			125			16	16	17	16	16	16	18	10

Ghi chú: Các học phần thực tập môn học gồm: Kinh tế y tế, Bảo hiểm xã hội, Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần